TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Học và ông Ngô Mậu Hiệu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2023; tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-DS ngày 10/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-DS ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Th, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6, Tòa nhà Th, số … đường Tr, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP B Quảng Bình (Theo Quyết định số 4066/2023/QĐ-TGĐ ngày 17/3/2023). Vắng mặt. Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, chuyên viên khách hàng, Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP B L.
Địa chỉ: 1.. H, Tổ dân phố Th, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình (Theo Giấy ủy quyền số 458/2023/UQ ngày 18/5/2023). Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Th, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Ngày 30/11/2017, Ngân hàng TMCP B, Chi nhánh Quảng Bình, Phòng giao dịch L đã ký kết với anh Nguyễn Văn Ng Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017263; số tiền cho vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); phương thức cho vay: Cho vay từng lần; mục đích cho vay: Mua sắm nội thất gia đình; thời hạn cho vay: 36 tháng tính từ ngày 01/12/2017 đến 30/11/2020; lãi suất cho vay: 8,0%/năm tính trên dư nợ ban đầu, được tính trên cơ sở một năm là 360

ngày, mức lãi suất quy đổi theo tỷ lệ %/năm trên cơ sở một năm có 365 ngày: 8,11%/năm; nếu bên vay chậm trả gốc hoặc lãi hoặc cả gốc và lãi thì phải trả lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12/2017; kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng, tính trên dư nợ ban đầu, bắt đầu trả nợ từ tháng 12/2017. Nếu ngày trả nợ lãi là Chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ hoặc bất kỳ ngày nào khác mà Ngân hàng không làm việc thì ngày làm việc kế tiếp sẽ là ngày đến hạn trả nợ lãi và bên vay phải trả lãi tính đến ngày thực tế trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng đã nêu ở trên, anh Nguyễn Văn Ng đã trả nợ gốc và lãi đến 25/12/2019, sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, đến ngày 25/01/2019 khoản vay chuyển sang nợ qúa hạn. Ngân hàng đã nhắc nhở, đốc thúc nhưng anh Ng không hợp tác, trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Vì vậy Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Ng trả nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt tạm tính đến ngày 15/5/2023 số tiền 23.282.748 đồng, trong đó nợ gốc là 14.250.000 đồng, lãi quá hạn số tiền 3.788.885 đồng, lãi phạt gốc và lãi phạt lãi số tiền 5.243.863 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Ng trả nợ số tiền 25.417.652 đồng, trong đó nợ gốc là 14.250.000 đồng, lãi trong hạn 3.788.885 đồng, lãi chậm trả gốc số tiền 5.964.449 đồng, lãi chậm trả lãi số tiền 1.414.318 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2023. Kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng anh Nguyễn Văn Ng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Ng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ đã thông báo thụ lý vụ án gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến các đương sự nhưng anh Nguyễn Văn Ng vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Toà án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ nhưng anh Ng vẫn vắng mặt. Theo xác nhận của Ban Công an xã M, huyện L do Ngân hàng TMCP B giao nộp, Ban Công an xã M, huyện L xác nhận: Anh Nguyễn Văn Ng đăng ký cư trú tại thôn Th, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Hiện tại anh Nguyễn Văn Ng vắng mặt tại địa phương (Thôn Th, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến bị đơn

nhưng anh Nguyễn Văn Ng vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Anh Ng vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất ngày 30/8/2023 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai, bị đơn vẫn vắng mặt mặc dù Toà án đã tống đạt quyết định hoãn phiên toà hợp lệ. Theo kết quả xác minh anh Nguyễn Văn Ng vắng mặt tại địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà không thông báo cho người khởi kiện biết nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình dấu địa chỉ theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Ng.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017263 ngày 30/11/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định anh Nguyễn Văn Ng đã được Ngân hàng TMCP B cho vay tổng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 8,11%/năm, tính trên dư nợ ban đầu, được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày, nếu bên vay chậm trả gốc hoặc lãi hoặc cả gốc và lãi thì phải trả lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12/2017; kỳ hạn trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng, tính trên dư nợ ban đầu; mục đích vay dùng để mua sắm nội thất gia đình; hình thức vay tín chấp; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 30/11/2020. Sau khi ký kết hợp đồng, anh Nguyễn Văn Ng đã nhận đủ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Văn Ng đã thực hiện một phần của hợp đồng tín dụng, trả nợ gốc và lãi đến tháng 01/2020 thì dừng trả nợ gốc và lãi. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B - Phòng giao dịch L đã đôn đốc, nhắc nhở và làm việc trực tiếp với anh Ng để yêu cầu trả nợ nhưng anh Ng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Xét Hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, do đó đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Anh Nguyễn Văn Ng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho vay tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017263 ngày 30/11/2017 đã ký kết với Ngân hàng TMCP B - Phòng giao dịch L. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Ng trả nợ cho Ngân hàng TMCP B - Phòng giao dịch L số tiền 25.417.652 đồng, trong đó nợ gốc là 14.250.000 đồng, lãi trong hạn 3.788.885 đồng, lãi chậm trả gốc

số tiền 5.964.449 đồng, lãi chậm trả lãi số tiền 1.414.318 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2023. Kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng anh Nguyễn Văn Ng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017263 ngày 30/11/2017 đã ký kết là phù hợp các Điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Đều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B, buộc anh Nguyễn Văn Ng phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền tổng cộng là 25.417.652 đồng, trong đó nợ gốc là 14.250.000 đồng, lãi trong hạn 3.788.885 đồng, lãi chậm trả gốc số tiền 5.964.449 đồng, lãi chậm trả lãi số tiền 1.414.318 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2023.

Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng anh Nguyễn Văn Ng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD4512017263 ngày 30/11/2017.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: anh Nguyễn Văn Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.270.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 582.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004657 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc ngày niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS, VP.